

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

về quyền con người

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 108-HD/BTGTU, ngày 12/9/2023
của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

I. CÁC VĂN KIỆN PHÁP LÝ QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Hiến chương Liên hợp quốc

Hiến chương Liên hợp quốc được ban hành ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc vào năm 1945. Đây là văn bản quốc tế rất quan trọng, không chỉ là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng thành lập Liên hợp quốc mà còn là văn kiện ghi nhận sự bảo vệ quyền con người trên phạm vi toàn cầu. Hiến chương đã đặt nền móng cho việc thiết lập một cơ chế pháp lý quốc tế về bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển của các quyền con người trên thế giới. Đồng thời, Hiến chương kêu gọi tất cả các nước cùng phối hợp hành động với Liên hợp quốc để đạt được việc tôn trọng và thực hiện quyền con người trên phạm vi toàn cầu.

2. Tuyên ngôn về quyền con người

Ngày 10/12/1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Đây là Văn kiện đầu tiên của bộ luật quốc tế về quyền con người.

Tuyên ngôn bao gồm Lời nói đầu và 30 điều quy định về các quyền và một điều quy định về bảo vệ Tuyên ngôn. Nội dung chủ yếu của Lời nói đầu là ghi nhận các nguyên tắc quan trọng nhất trong việc bảo vệ quyền con người (bảo đảm cho con người quyền thoát khỏi đói nghèo; thừa nhận nhân phẩm, các quyền bình đẳng và quyền tự do; quyền con người phải được bảo vệ bằng pháp luật). Mục tiêu cuối cùng của Tuyên ngôn là làm cho tất cả các cá nhân, các tổ chức xã hội, các quốc gia, dân tộc nỗ lực tôn trọng và thúc đẩy việc thực hiện các quyền con người.

Từ Điều 1 đến Điều 21, Tuyên ngôn đề cập đến nhóm quyền dân sự, chính trị mà con người phải được hưởng, gồm: quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân (Điều 3); quyền không bị làm nô lệ hoặc nô dịch (Điều 4); quyền không bị tra tấn, bị đối xử hay trừng phạt vô nhân đạo (Điều 5); quyền được thừa nhận tư cách một con người trước pháp luật (Điều 6); quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ (Điều 7); quyền được tòa án bảo vệ khỏi những hành vi vi phạm quyền con người (Điều 8); quyền không bị bắt, giam giữ hay đầy ải vô cớ (Điều 9); quyền được xét xử công bằng và công khai trước một tòa án độc lập, không thiên vị (Điều 10); quyền được pháp luật bảo vệ không bị can thiệp vào đời tư, gia đình, chỗ ở hoặc thư tín, không bị xâm hại danh dự hay uy tín cá nhân (Điều 12); quyền tự do

đi lại và cư trú (Điều 13); quyền tị nạn (Điều 14); quyền có quốc tịch (Điều 15); quyền tự do kết hôn và xây dựng gia đình (Điều 16); quyền sở hữu tài sản riêng (Điều 17); quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 18); quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt (Điều 19); quyền tự do hội họp và lập hội (Điều 20); quyền tham gia quản lý đất nước và xã hội (Điều 21)

Từ Điều 22 đến Điều 27, Tuyên ngôn đề cập đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm: quyền được bảo đảm an ninh xã hội (Điều 22); quyền làm việc và được trả lương ngang nhau cho những công việc như nhau, được trả lương xứng đáng và hợp lý để đảm bảo cho một cuộc sống có giá trị như một con người, được thành lập hoặc gia nhập công đoàn (Điều 23); quyền nghỉ ngơi, giải trí (Điều 24); quyền có một mức sống thích đáng và được bảo hiểm. Phụ nữ và trẻ em được giúp đỡ đặc biệt (Điều 25); quyền được học tập (Điều 26); quyền được tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, thưởng thức văn hóa, nghệ thuật, quyền được bảo hộ các lợi ích vật chất và tinh thần phát sinh từ các sáng tạo khoa học, văn học hay nghệ thuật của mình (Điều 27).

Điều 28 của Tuyên ngôn ghi nhận: *“Mọi người đều có quyền được bảo đảm có một trật tự xã hội (quốc gia) và quốc tế, trong đó các quyền tự do cơ bản nêu trong bản Tuyên ngôn có thể được thực hiện một cách đầy đủ”*.

Điều 29 của Tuyên ngôn đề cập tới nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng, theo đó: *“Mỗi người có nghĩa vụ với cộng đồng, trong đó nhân cách của bản thân có thể được phát triển tự do và trọn vẹn... Những hạn chế đối với quyền và tự do được giải thích như sau: Các quyền và tự do cho cá nhân chỉ phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền và tự do của người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và sự phồn vinh chung trong một xã hội dân chủ...”*.

Điều 30 của Tuyên ngôn khẳng định không một cá nhân hoặc Nhà nước nào được phép có những hành vi hủy hoại Tuyên ngôn.

3. Tuyên bố Viên và Chương trình Hành động, 1993

Tuyên bố và Chương trình hành động Viên (Vienna Declaration and Programme of Action -VDPA) được thông qua dựa trên sự đồng thuận của đại diện 171 quốc gia tại Hội nghị thế giới lần hai về nhân quyền được tổ chức vào ngày 25/6/1993, tại Viên (Áo).

Trong Lời mở đầu, Tuyên bố khẳng định: Việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người (hay nhân quyền) là một vấn đề ưu tiên đối với cộng đồng quốc tế; hội nghị này là cơ hội đặc biệt để tiến hành phân tích toàn diện cơ chế và bộ máy quốc tế bảo vệ quyền con người, nhằm nâng cao và thúc đẩy việc tuân thủ đầy đủ hơn các quyền một cách thực sự và tương xứng với tầm quan trọng của chúng.

Những nội dung cốt lõi của Tuyên bố: **(i)** Về tính phổ quát của nhân quyền, mặc dù phải luôn ghi nhớ tầm quan trọng của tính đặc thù về dân tộc, khu vực: Lời mở đầu nhấn mạnh rằng, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (năm 1948), cần phải đạt được chuẩn mực chung đối với mọi dân tộc, mọi quốc gia và là cơ sở để Liên hợp quốc thúc đẩy việc xây dựng các quy chuẩn trong các văn kiện quốc tế về quyền con người, nhất là trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966). Trong khi phải luôn ghi nhớ tầm quan trọng của tính đặc thù về dân tộc, khu vực cũng như bối cảnh khác nhau về lịch sử, văn hóa và tôn giáo, các quốc gia, không phân biệt hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, đều phải có nghĩa vụ thúc đẩy, bảo vệ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người; **(ii)** Nhân quyền không thể chia cắt, phụ thuộc, liên hệ lẫn nhau: Tuyên bố nhấn mạnh rằng tất cả các quyền con người là bình đẳng về tầm quan trọng và phải theo đuổi mục tiêu chấm dứt sự chia cắt định lượng giữa các quyền dân sự - chính trị và các quyền kinh tế - xã hội - văn hóa đã được thiết lập trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh; **(iii)** Đói nghèo và quyền con người: Tuyên bố chỉ rõ mối liên hệ trực tiếp giữa đói nghèo và tôn trọng nhân quyền. Nạn nghèo đói cùng cực và việc bị gạt ra ngoài lề của xã hội cấu thành sự vi phạm nhân phẩm con người. Điều cốt yếu đối với các quốc gia là khuyến khích sự tham gia của những người nghèo nhất vào quá trình hoạch định chính sách ở cộng đồng nơi họ sống và nỗ lực đấu tranh chống nạn nghèo đói cùng cực; **(iv)** Dân chủ, phát triển và nhân quyền: Phần I, Điều 8 Tuyên bố khẳng định dân chủ, sự phát triển và việc tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người phụ thuộc lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Dân chủ phải được xây dựng trên nền tảng ý chí được bày tỏ một cách tự do của nhân dân khi lựa chọn hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cho nước mình, dựa trên sự tham gia đầy đủ của nhân dân vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; **(v)** Quyền phát triển: Các quốc gia cần hợp tác với nhau trong việc bảo đảm sự phát triển và xóa bỏ những trở ngại cho sự phát triển. Để bảo đảm sự tiến bộ bền vững đòi hỏi phải có những chính sách phát triển có hiệu quả ở cấp độ quốc gia, cũng như những quan hệ kinh tế công bằng và một môi trường kinh tế thuận lợi ở cấp độ quốc tế trong việc thực hiện quyền được phát triển; **(vi)** Thách thức đối với nhân quyền: Đó là việc thải trái phép các chất độc hại, nguy hiểm và rác thải là mối đe dọa nghiêm trọng, tiềm tàng đối với quyền được sống và quyền về sức khỏe của tất cả mọi người; hay một số thành tựu khoa học, nhất là trong y sinh và nhân sinh cũng như trong công nghệ thông tin có thể gây tác động tiêu cực đối với tính chính trực, nhân phẩm, các quyền con người. Các hành động, biện pháp và âm mưu khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện của nó, cũng như mối liên hệ của nó với hoạt động buôn lậu ma túy ở một số nước là nhằm phá hoại các quyền và tự do cơ bản của con người, đe dọa sự toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của các quốc gia, làm mất ổn định các chính phủ hợp pháp. Từ đó, Tuyên bố kêu gọi

cộng đồng quốc tế cần tiến hành các bước cần thiết để tăng cường sự hợp tác nhằm ngăn chặn và chống các thách thức này.

Việc thông qua Tuyên bố cho phép làm mới lại cam kết của cộng đồng quốc tế sau Chiến tranh Lạnh để thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người; vạch ra một tầm nhìn mới cho hành động toàn cầu ủng hộ nhân quyền trong thế kỷ tiếp theo. Qua đó, Tuyên bố cung cấp cho cộng đồng quốc tế một khuôn khổ lập kế hoạch, đối thoại và hợp tác mới toàn diện để thúc đẩy, bảo vệ các quyền con người với sự tham gia của các bên liên quan ở tất cả các cấp độ quốc tế, quốc gia và địa phương. Tuyên bố là cơ sở để thành lập Cao ủy Liên hợp quốc về nhân quyền theo Nghị quyết 48/121 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (tháng 12/1993).

4. Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc, 2000

Tháng 9/2000, tại New York (Hoa Kỳ), Hội nghị Thượng đỉnh thiên niên kỷ Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên bố Thiên niên kỷ; trong đó 189 quốc gia thành viên nhất trí thông qua Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs). Các mục tiêu này về cơ bản nhất trí với những cam kết tại nhiều Hội nghị thượng đỉnh thế giới, hội nghị toàn cầu do Liên hợp quốc tổ chức, nhất là Chương trình phát triển bền vững (Agenda 21). Mục tiêu Thiên niên kỷ bao gồm 8 mục tiêu mà các nước thành viên Liên Hiệp Quốc đồng ý cố gắng đạt được vào năm 2015: **(i)** Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; **(ii)** Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; **(iii)** Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ; **(iv)** Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em; **(v)** Nâng cao sức khỏe bà mẹ; **(vi)** Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; **(vii)** Đảm bảo sự bền vững về môi trường; **(viii)** Thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển.

5. Các công ước và điều ước khác về quyền con người

a. Về các quyền và tự do cơ bản, có: **(i)** Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá (ICESCR), 1966; **(ii)** Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), 1966; **(iii)** Nghị định thư không bắt buộc thứ hai của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 về huỷ bỏ án tử hình, 1989; **(iv)** Công ước bảo vệ mọi người khỏi bị mất tích cưỡng bức, 2006.

b. Về ngăn chặn sự phân biệt đối xử về chủng tộc, trong giáo dục, nghề nghiệp và việc làm, có: **(i)** Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về chủng tộc, 1965; **(ii)** Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục, 1960; **(iii)** Công ước về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho những công việc có giá trị ngang nhau (Công ước số 100 của ILO), 1951; **(iv)** Công ước chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (Công ước số 111 của ILO), 1958.

c. Về quyền của phụ nữ, có: **(i)** Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ, 1952; **(ii)** Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, 1979.

d. Về quyền trẻ em, có: (i) Công ước về quyền trẻ em, 1989; (ii) Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em, 2000; (iii) Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước về quyền trẻ em về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang, 2000; (iv) Công ước về tuổi lao động tối thiểu (Công ước số 138 của ILO), 1973; (v) Công ước về cấm và hành động ngay để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999.

e. Về quyền của người lao động di trú, có: (i) Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của mọi người lao động di trú và các thành viên của gia đình họ, 1990; (ii) Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung cho Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, 2000.

g. Về quyền của người khuyết tật, có Công ước về quyền của những người khuyết tật, 2007.

h. Về xoá bỏ chế độ nô lệ, các thể thức tương tự như chế độ nô lệ và việc cưỡng bức lao động, có: (i) Công ước về Nô lệ, 1926; (ii) Nghị định thư sửa đổi Công ước về Nô lệ 1926; (iii) Công ước bổ sung về xoá bỏ chế độ nô lệ, buôn bán nô lệ, các thể chế và tập tục khác tương tự chế độ nô lệ, 1956; (iv) Công ước về lao động cưỡng bức (Công ước số 29 của ILO), 1930; (v) Công ước về xoá bỏ lao động cưỡng bức (Công ước số 105 của ILO), 1957; (vi) Công ước về trấn áp việc buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác, 1949; (vii) Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, 2000.

i. Về bảo vệ người tị nạn và người không quốc tịch, có: (i) Công ước về vị thế của người không quốc tịch, 1954; (ii) Công ước về vị thế của người tị nạn, 1951; (iii) Nghị định thư của Công ước về vị thế của người tị nạn, 1967; (iv) Công ước về ngăn ngừa và trừng trị các tội ác tra tấn, tội ác diệt chủng, tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại; (v) Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, 1984; (vi) Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, 1948; (vii) Công ước về không áp dụng thời hiệu tố tụng với tội ác chiến tranh và tội ác chống nhân loại, 1968; (viii) Quy chế Rô-m về Tòa án Hình sự quốc tế, 1998.

II. HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC

Theo Hiến chương của Liên hợp quốc, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người được xác định là một trong những nhiệm vụ hàng đầu mà cả sáu cơ quan chính của tổ chức liên chính phủ này đều phải đảm nhận. Trong đó, Đại hội đồng có trách nhiệm cao nhất trên lĩnh vực quyền con người, đặc biệt là trong việc thiết lập các

chuẩn mực quốc tế về quyền con người; xây dựng, điều hành các chương trình hoạt động về quyền con người; xây dựng các cơ quan nhân quyền của Liên hợp quốc và xử lý các vi phạm quyền con người. Bên cạnh đó, Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC) đảm nhận việc xây dựng bộ máy các ủy ban chuyên môn cho cơ quan này và Đại hội đồng trong những hoạt động về quyền con người mà nổi bật hàng đầu là Ủy ban Liên hợp quốc về nhân quyền (The UN Commission on Human Rights - UNCHR), tiền thân của Hội đồng Nhân quyền ngày nay.

Được thành lập năm 1946, trong 60 năm tồn tại, UNCHR đã có những đóng góp lớn lao trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người mà điểm nhấn đầu tiên chính là việc soạn thảo văn kiện Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền - một tiêu chuẩn thực hiện chung cho tất cả các dân tộc và quốc gia về bảo đảm sự thừa nhận và thực thi trên toàn cầu các quyền tự do cơ bản của con người. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, UNCHR cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế dẫn đến thất bại trong cải thiện và xử lý những vi phạm nghiêm trọng về quyền con người diễn ra tại nhiều khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Chính vì những lý do này, trong báo cáo số A/59/2005, Tổng Thư ký Liên hợp quốc đã chính thức đề xuất Đại hội đồng bỏ phiếu thay thế UNCHR bằng việc thành lập cơ quan mới về quyền con người là Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UNHRC).

Ngày 03/4/2006, trên cơ sở các cuộc thảo luận tại Đại hội đồng, nghị quyết về việc thành lập Hội đồng Nhân quyền (UNHRC) đã được thông qua. Theo Nghị quyết 60/251 của Đại hội đồng, UNHRC có những chức năng, nhiệm vụ sau: **(i)** Thúc đẩy những hoạt động giáo dục, nghiên cứu, dịch vụ tư vấn, trợ giúp kỹ thuật và xây dựng năng lực về quyền con người ở các quốc gia; Thúc đẩy việc thực thi đầy đủ những nghĩa vụ về quyền con người ở các quốc gia; Đóng vai trò là một diễn đàn để đối thoại về những chủ đề cụ thể về quyền con người; Thực hiện đánh giá định kỳ toàn thể việc tuân thủ các nghĩa vụ và cam kết về quyền con người của các quốc gia; **(ii)** Thông qua đối thoại và hợp tác để góp phần phòng ngừa những vi phạm quyền con người và phản ứng kịp thời với những tình huống khẩn cấp về quyền con người; Hợp tác chặt chẽ với các chính phủ, các tổ chức khu vực, các cơ quan quyền con người quốc gia, các tổ chức dân sự trong những hoạt động về quyền con người; Báo cáo công tác hằng năm với Đại hội đồng.

So với Ủy ban Liên hợp quốc về nhân quyền, chức năng nhiệm vụ và phương thức hoạt động UNHRC đã có nhiều điểm thay đổi, nhằm tạo ra thế và lực mới cho cơ quan này trong các hoạt động về quyền con người. Theo đó, UNHRC là một cơ quan có vai trò hết sức quan trọng để có thể giải quyết những vấn đề về quyền con người trên thế giới. Thủ tục bầu mới đã có sự thay đổi khi các thành viên của UNHRC được bầu bởi 193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ngoài ra, cơ chế bầu cử mới cho phép một số tổ chức phi chính phủ về nhân quyền được tham gia vào tiến trình tuyển chọn thành viên của UNHRC.

Bên cạnh đó, UNHRC là cơ quan giúp việc của Đại hội đồng, nằm trong khối các cơ quan thực thi quyền con người dựa trên Hiến chương, có vị thế tương đương với ECOSOC. Không chỉ vậy, UNHRC được Đại hội đồng giao thêm nhiệm vụ mới là tổ chức thực hiện đánh giá định kỳ việc tuân thủ các nghĩa vụ và cam kết về quyền con người của tất cả các quốc gia hay còn gọi là Cơ chế đánh giá định kỳ phổ quát (UPR) thay cho việc lựa chọn các vụ việc ở một số quốc gia để đưa ra xem xét, lên tiếng như trước đây. Thủ tục mới này tăng thêm quyền lực và hiệu lực của Hội đồng nhân quyền; đồng thời làm giảm bớt tình trạng phân biệt đối xử và áp dụng tiêu chuẩn kép trong đánh giá tình hình quyền con người giữa các quốc gia như trước đây. UNHRC cũng là tổ chức tiên hành thủ tục giải quyết khiếu nại kín. Theo thủ tục này, cá nhân khiếu nại và quốc gia có liên quan được thông báo về tình hình xử lý khiếu nại ở những giai đoạn chính. Cũng như cơ quan tiền thân UNCHR, Hội đồng Nhân quyền cũng có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục điều tra đặc biệt song đã có nhiều sự cải tiến nhằm tăng hiệu quả của chúng. Để tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm và độ tin cậy trong quá trình điều tra, Hội đồng Nhân quyền cũng đã ban bố một bộ quy tắc đạo đức áp dụng cho các chuyên gia thực thi các thủ tục đặc biệt đó.

UNHRC cũng thành lập cơ quan giúp việc Ủy ban tư vấn cho Hội đồng nhân quyền (HRCAC). Ủy ban này có nhiều điểm tương đồng với Tiểu ban thúc đẩy bảo vệ quyền con người nhưng có thời gian làm việc là hai phiên một năm với thời gian tối thiểu là 10 ngày.

Từ những cải tổ quyết liệt nêu trên, UNHRC ngày một chứng tỏ tầm quan trọng của mình trong nhiệm vụ bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên phạm vi toàn cầu. Điều này cũng đồng nghĩa, mỗi thành viên của UNHRC cũng phải nỗ lực hơn nữa để đảm nhiệm các trọng trách vinh quang song cũng không kém phần nặng nề này. Để xứng cử vào UNHRC, mỗi quốc gia phải đạt những tiến bộ vượt bậc trong hoạt động bảo vệ quyền con người trong nước; đồng thời phải đóng góp, đưa ra nhiều sáng kiến thúc đẩy nhân quyền trên toàn cầu.

III. VIỆT NAM - THÀNH VIÊN TÍCH CỰC, CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN LIÊN HỢP QUỐC

Việt Nam gia nhập các điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người vào đầu những năm 80 của Thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước vừa ra khỏi chiến tranh, gặp nhiều khó khăn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Chính vì vậy, việc gia nhập các Công ước quốc tế về quyền con người của Việt Nam là một minh chứng rõ nét về nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo vệ, thúc đẩy và tôn trọng các quyền con người theo các chuẩn mực quốc tế.

Đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người, cụ thể: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966

(ICCPR), gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa 1966, gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979, ký kết ngày 29/7/1980, phê chuẩn ngày 17/02/1982; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc 1969, gia nhập ngày 09/6/1982; Công ước về Quyền Trẻ em 1989, ký kết ngày 26/1/1990, phê chuẩn ngày 28/2/1990; Nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang, ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001; Nghị định thư bổ sung về chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm, ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001; Công ước về Quyền của Người khuyết tật 2006, ký ngày 22/11/2007 và phê chuẩn ngày 05/02/2015; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, ký ngày 07/11/2013 và phê chuẩn ngày 05/02/2015...

Bên cạnh các điều ước quốc tế về quyền con người cơ bản nêu trên, Việt Nam đã tham gia nhiều công ước quốc tế khác liên quan đến việc bảo vệ quyền con người và luật nhân đạo quốc tế, như: Nghị định thư bổ sung Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột quốc tế (gia nhập ngày 28/8/1981); Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa và Trừng trị Tội ác Diệt chủng 1948 (gia nhập ngày 09/6/1981); Công ước Quốc tế về Ngăn chặn và Trừng trị Tội ác Apartheid 1973 (gia nhập ngày 09/6/1981); Công ước Quốc tế về Không áp dụng những hạn chế luật pháp đối với các Tội phạm Chiến tranh và Tội ác chống Nhân loại 1968 (gia nhập ngày 04/6/1983); Công ước về Chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia 2000 (ký kết ngày 13/12/2000, phê chuẩn ngày 08/6/2012)...

Sau khi trở thành thành viên Tổ chức Lao động Quốc tế năm 1994, Việt Nam đã tham gia 20 công ước về quyền lao động, như: Công ước số 5 về tuổi tối thiểu của trẻ em được tham gia lao động công nghiệp; Công ước số 6 về làm việc ban đêm của trẻ em trong công nghiệp; Công ước số 14 về quy định nghỉ hàng tuần cho lao động công nghiệp; Công ước số 45 về sử dụng lao động nữ trong hầm mỏ; Công ước số 81 về thanh tra lao động trong công nghiệp và thương mại; Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ; Công ước số 111 về không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp; Công ước 123 về tuổi tối thiểu được làm những công việc trong hầm mỏ; Công ước số 124 về kiểm tra sức khỏe cho thiếu niên làm việc trong hầm mỏ; Công ước số 155 về an toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc; Công ước số 182 về nghiên cứu và hành động ngay lập tức để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; Công ước số 29 về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc; Công ước số 122 về Chính sách việc làm; Công ước số 186 về Lao động Hàng hải...

Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia các cơ chế toàn cầu và toàn khu vực về quyền con người. Từng đảm nhận các cương vị là thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, của Ủy ban Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc

(ECOSOC); tham gia vào những cơ chế điều hành của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), 2 lần đảm nhiệm vị trí thành viên Ủy ban Luật pháp Quốc tế Liên hợp quốc và gần đây nhất trở thành Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 2. Hai lần vinh dự trúng cử, trở thành một trong 14 thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016 và 2023 - 2025, Việt Nam luôn thể hiện là thành viên tích cực, có trách nhiệm của Hội đồng Nhân quyền, sẵn sàng đưa ra các sáng kiến, trao đổi, hợp tác cùng các cơ quan nhân quyền trực thuộc Liên hợp quốc để tìm ra những giải pháp tối ưu nhất nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên toàn cầu. Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, với những đóng góp tích cực trong việc thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền, Ủy ban ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy các quyền của phụ nữ và trẻ em, thông qua tuyên bố Nhân quyền ASEAN... Việt Nam đã phát đi nhiều thông điệp, sáng kiến, cam kết mạnh mẽ nhằm tăng cường tính hợp tác quốc tế để hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu, tại Hội nghị thượng đỉnh về khí hậu COP 26 (từ ngày 31/10 - 12/11/2021). Đồng thời, Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong cam kết đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050; không xây dựng nhà máy điện than mới từ năm 2030 và loại bỏ dần điện than vào năm 2040; tuyên bố về rừng và sử dụng đất; tham gia Liên minh thích ứng ứng toàn cầu; giảm 30% khí thải metan vào năm 2030 so với mức năm 2020. Cam kết đó được Việt Nam tái khẳng định tại COP 27 (từ ngày 06 - 18/11/2022) bằng việc xây dựng, thông qua hàng loạt biện pháp tổng thể, toàn diện trong lĩnh vực chuyển đổi năng lượng. Việt Nam tiếp tục ghi dấu ấn tại Phiên họp thứ 91 của Ủy ban Quyền trẻ em của Liên hợp quốc (CRC) (ngày 13/9/2022), với những thành tựu vượt bậc trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách cũng như các biện pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao quyền trẻ em theo tinh thần của Công ước Liên hợp quốc.

Hiện nay, Việt Nam là thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023 - 2025, tiếp tục đóng góp vào thúc đẩy quyền con người trên thế giới. Trong Khóa họp thường kỳ lần thứ 52 của UNHRC (từ ngày 27/02 - 04/4/2023) - Khóa họp đầu tiên của Việt Nam trên cương vị thành viên UNHRC nhiệm kỳ 2023 - 2025, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng khi đưa ra sáng kiến kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Vienna. Nhằm triển khai sáng kiến này, Việt Nam đã nỗ lực xây dựng Nhóm nòng cốt với thành phần đa dạng đại diện cho tất cả các khu vực trên thế giới; đồng thời đẩy mạnh thương lượng, đàm phán liên quan đến dự thảo Nghị quyết về kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Vienna. Ngày 03/4/2023, Nghị quyết về kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Vienna đã được UNHRC thông qua. Sự tham gia tích cực của Việt Nam tại Khóa

hợp 52 của UNHRC đã thể hiện nỗ lực và trách nhiệm của Việt Nam trên cương vị là thành viên của UNHRC nhiệm kỳ 2023 - 2025; đồng thời truyền tải thông điệp mạnh mẽ về quan điểm, chính sách nhất quán, thành tựu của Việt Nam và quan điểm, thành tựu chung của ASEAN trong công tác thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người; qua đó góp phần cùng các nước đảm bảo hoạt động của UNHRC phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, các công ước quốc tế về quyền con người. Bên cạnh đó, Việt Nam còn tích cực tham gia nhiều ý kiến nhằm đảm bảo các quyền cụ thể, như: quyền nhà ở; quyền lương thực; quyền văn hóa; quyền phát triển; quyền trẻ em; quyền tiếp cận công bằng, bình đẳng, kịp thời với giá cả hợp lý đối với vaccine ngừa Covid-19... tại nhiều phiên họp, thảo luận của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc.

Việt Nam cũng đã tích cực, chủ động tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Việc Quốc hội Việt Nam thông qua Nghị quyết số 130/2020/QH14 về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ là bằng chứng sinh động cho cam kết tham gia và đóng góp lâu dài cho hoạt động gìn giữ hòa bình. Số lượt sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được cử tham gia các nhiệm vụ ở hai phái bộ Nam Sudan, Trung Phi tiếp tục gia tăng và bảo đảm tính tiếp nối liên tục. Việt Nam cũng đã triển khai Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 4 tới Nam Sudan. Đặc biệt, tháng 5/2022, đội công binh đầu tiên của Việt Nam với 2.000 tấn thiết bị đã sang phái bộ an ninh lâm thời của Liên hợp quốc tại khu vực Abyei (khu vực giữa Sudan và Nam Sudan). Trước thảm họa động đất diễn ra ngày 06/02/2023 tại Thổ Nhĩ Kỳ và Syria, Việt Nam đã ngay lập tức hỗ trợ sức người, sức của cho hai quốc gia này. 100 chiến sĩ của Bộ Quốc Phòng và Bộ Công an đã tham gia tìm kiếm các nạn nhân của vụ động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ. Việt Nam cũng đã hỗ trợ Thổ Nhĩ Kỳ và Syria, mỗi nước 100.000 USD cùng hàng chục tấn hàng hóa y tế và lương thực...

IV. VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC CÁC NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI MÀ VIỆT NAM ĐÃ THAM GIA VÀ PHÊ CHUẨN

Căn cứ trên các công ước quốc tế về quyền con người, Việt Nam đã từng bước tiến hành nội luật hóa và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quyền con người nhằm bảo đảm sự tương thích, phù hợp với điều kiện đặc thù của đất nước. Quốc hội đã soạn thảo, ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý về quyền con người; trong đó nổi bật nhất là Quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp 2013.

Việt Nam đã ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hơn 100 luật, bộ luật có liên quan đến quyền con người; trong đó có một số đạo luật quan trọng, như: Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Luật trung cầu ý dân 2015, Luật trẻ em 2016, Luật trợ giúp pháp lý 2017, Luật an ninh mạng 2018, Bộ luật Lao động sửa đổi

2019... Đây là hành lang pháp lý quan trọng giúp nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ quyền con người. Đồng thời, ban hành nhiều chính sách mới, quan trọng với mục tiêu để mọi người được thụ hưởng đầy đủ quyền con người, đặc biệt là nỗ lực xây dựng và hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm quyền phát triển, quyền cho nhóm dễ bị tổn thương, quyền của người lao động. Năm 2005, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã công bố sách “*Thành tựu bảo vệ và phát triển các quyền con người ở Việt Nam*”, cung cấp một bức tranh toàn diện và có hệ thống về luật pháp, thể chế, chính sách, nỗ lực và thành tựu của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quyền con người. Đến năm 2018, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã công bố sách trắng “*Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam*” nhằm giới thiệu tới độc giả và dư luận quốc tế một cách toàn diện nhất về quan điểm, chính sách và những thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được trong lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Gần đây nhất, Việt Nam đã công bố Sách trắng “*Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*”, nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về tôn giáo, chính sách tôn giáo, thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, thách thức cần vượt qua và những hướng ưu tiên nhằm thúc đẩy việc thụ hưởng ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, tiếp tục góp phần giúp thế giới và người dân hiểu rõ và đầy đủ về chính sách tôn giáo, đời sống tôn giáo ở nước ta, đồng thời là căn cứ xác thực giúp bác bỏ những luận điệu xuyên tạc về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam...

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về quyền con người. Các quyền con người về dân sự, chính trị đã được bảo đảm một cách chủ động trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật. Pháp luật quy định trừng phạt nghiêm khắc các hành vi tước đoạt mạng sống của con người một cách tùy tiện, chỉ áp dụng án tử hình với các loại tội đặc biệt nghiêm trọng nhất. Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh; thực hiện các biện pháp cứu trợ khẩn cấp đối với những vùng chịu thiệt hại nặng do thiên tai... Quyền về kinh tế - xã hội và văn hóa đã được thể hiện rõ qua các chương trình, chính sách quốc gia giúp thúc đẩy việc làm, tăng thu nhập; chăm sóc y tế, sức khỏe; tham gia học tập, giáo dục; tham gia các hoạt động văn hóa. Chính vì vậy, đời sống của nhân dân, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa đã được cải thiện rõ rệt. Quyền cho các nhóm xã hội dễ bị tổn thương, như: phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người nhiễm HIV/AIDS... đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, Việt Nam đã nhanh chóng đưa ra các chính sách, biện pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, bảo đảm quyền tối thượng là quyền được sống của người dân. Đồng thời, tập trung thực hiện hiệu quả, đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tác động của đại dịch đối với nền kinh tế, duy trì và phục hồi sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm, an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là những người dễ bị tổn thương với phương châm

“không để ai bị bỏ lại phía sau”. Chính phủ đã ban hành các gói hỗ trợ dành cho người dân khó khăn vì đại dịch Covid-19, trong đó có các chính sách hỗ trợ tiền mặt trực tiếp cho lao động bị mất việc, lao động tự do, hộ nghèo, trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ, các đối tượng chính sách.../.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY